

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 10 – 7 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Văn.

Ông Trần Công Đoàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Minh Đ, sinh năm 1968 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Tổ x, khu phố y, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Đặng Thị T; có vợ: Võ Thị Yến X (đã ly hôn) và 01 con, có vợ sau là bà Lê Thị H; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2023 cho đến nay (có mặt).

- **Bị hại:** Bé G (tên thường gọi Trần Nhã Th), sinh năm 2020 (chưa xác định ngày tháng sinh). Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Đặng Quốc Th – Phó Giám đốc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Cà Mau. Địa chỉ: Quốc 1 A, ấp C, xã Đ1, thành phố C1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Lê Huỳnh Ni – Luật sư thuộc Công ty luật TNHH MTV Tô Văn Chánh là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ x, khu phố y, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Tạm trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Minh Đ chung sống với bà Lê Thị H tại Tổ x, khu phố y, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang nhưng không có con chung nên tháng 10/2022 xin nhận cháu G, sinh khoảng năm 2020 làm con nuôi và tự đặt tên là Trần Nhã T; đến ngày 17/10/2023 bị cáo Đ và bà H đưa bé G về sinh sống tại ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Từ khi nhận bé G về nuôi dưỡng, chăm sóc, bị cáo Đ nhiều lần hành hạ, làm cho cháu phải chịu nhiều đau đớn về thể xác, tinh thần, gồm:

Thời gian sinh sống tại Tổ x, khu phố y, phường D, thành phố P (không xác định được chính xác thời gian nhưng trong năm 2023), bị cáo Đ nhiều lần thực hiện hành hạ bé G, gồm: Một lần vào buổi trưa, cho rằng cháu lì, quấy phá nên bị cáo dùng tay đánh nhiều cái vào vùng mặt gây sưng nề ở 02 mắt, sau đó bỏ vào bịch nilong, dùng tay túm kín miệng mang vào cầu vệ sinh để đe dọa tinh thần của cháu; lần khác, bị cáo dùng tay đánh vào vùng mặt gây sưng nề ở mắt và 01 lần khác cũng cho rằng cháu lì, quấy phá nên bị cáo dùng kẹp tóc, kẹp quần áo kẹp vào nhiều vị trí trên người gây đau đớn trên cơ thể của cháu.

Đến ngày 17/10/2023, bị cáo Đ và bà H đưa bé G về sinh sống tại ấp T, xã T1, huyện Đ, trong thời gian về đây sinh sống, bị cáo tiếp tục có những hành vi hành hạ và diễn ra một cách thường xuyên đối với bé G như: Chửi mắng, đe dọa, đánh đập, bắt quỳ gối,... làm cho bé G bị nhiều thương tích trên người, cụ thể:

Vào lúc 09 giờ ngày 26/10/2023, bị cáo dùng tay đánh vào người bé G nhiều cái sau đó kéo ra khu vực sân cấp vách nhà trước đe dọa ném vào bãi sìn lầy.

Vào lúc 11 giờ ngày 01/11/2023, bé G đang ngồi trên ghế đá ở hàng ba nhà trước, bị cáo kêu vào nhà nhưng khi cháu chưa kịp phản ứng thì bị cáo đã dùng tay đánh vào vùng mặt làm té ngã xuống nền gạch, sau đó tiếp tục bắt vào trong nhà quỳ gối.

Vào lúc 12 giờ ngày 04/11/2023, bị cáo dùng tay đánh nhiều cái vào người của bé G tại khu vực sân cấp vách nhà trước của bị cáo.

Vào lúc 10 giờ ngày 05/11/2023, tại khu nhà sau gần cửa phụ, bị cáo dùng tay, cán chổi bằng nhựa (loại chổi bông sậy), nhánh cây (loại cây Bình Linh) đánh và dùng tay nắm tóc nhắc bổng bé G hai chân lên khỏi mặt đất, sau đó tiếp tục đè xuống nền nhà, một tay nắm tóc, một tay cầm cán chổi đánh nhiều cái vào người của cháu; đến 15 giờ cùng ngày, sau khi đi ngủ về, bị cáo tiếp tục kéo bé G đến vị trí trên để đánh, bị cáo dùng cán chổi đánh vào người, dùng tay tát vào vùng mặt

của cháu nhiều cái; đến 20 giờ cùng ngày, bị cáo tiếp tục kêu bé G đến vị trí trên, dùng tay đánh nhiều cái vào vùng mặt của cháu.

Khoảng 05 giờ 45 ngày 06/11/2023, bị cáo tiếp tục dùng cán chổi đánh nhiều cái vào người bé G và bắt cháu quỳ lạy bị cáo.

Trong khi đó, người dân xung quanh do thường xuyên nghe tiếng bị cáo mắng chửi, đe dọa, đánh đập và tiếng la khóc, van xin của bé G. Đến sáng ngày 06/11/2023 người dân địa phương đến xem thì phát hiện cháu bị nhốt ở trong nhà một mình với nhiều thương tích trên cơ thể nên báo Công an xã Tân Trung đến giải cứu; qua làm việc, bị cáo thừa nhận, ngoài việc đánh, đập bé G thì nhiều lần bắt cháu quỳ gối (khoảng 5 lần) và nhốt cháu ở trong nhà một mình (khoảng 7 lần).

Kết quả kiểm tra dấu vết trên thân thể của bé G ghi nhận: Vùng trán: Sưng to, đỏ, kích thước 15cm x 06cm; vùng mắt: 02 mí mắt phù nề, mí mắt bên trái có vết trầy xước, đường kính 0,5cm; cánh tay phải: Khuỷu tay bầm, kích thước 05cm x 05cm; ngón số 03 sưng bầm; vùng ngực bên phải: Khoảng liên sườn 4-5 có vết bầm đường kính khoảng 05cm; vùng môi: Môi trên trong, giữa nhân trung có vết thương dài 01cm; viêm, bầm, sưng đỏ; môi dưới bên trong có nhiều vết trầy, xước.

Theo Kết luận giám định trẻ em bị hành hạ, ngược đãi số 254/KLNĐTE-TTPY ngày 08/11/2023 và Kết luận giám định bổ sung số 281/KLNĐTE-TTPY ngày 30/11/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau đối với cháu Trần Nhã Th:

- Khám thương tích: 01 vết sây sát thái dương phải, kích thước: 0,6cm x 0,3cm; 01 mảng sưng nề bầm trán – mi trên – mi dưới mắt phải, kích thước: 7,5cm x 05cm; 01 mảng sưng nề bầm trán – mi trên – mi dưới mắt trái, kích thước: 4,5cm x 03cm, trên nền vết bầm có vết xước da đuôi mắt trái, kích thước: 01cm x 0,5cm; 02 vết sây sát da vùng cổ phải, kích thước 1: 01cm x 0,3cm, kích thước 2: 02cm x 0,3cm; 01 vết sây sát da cạnh phải hõm ức, kích thước: 0,7cm x 0,2cm; 01 vết bầm môi trên, kích thước: 1,5cm x 0,5cm; 01 vết thương và bầm niêm mạc môi trên, kích thước: 01cm x 0,5cm; 01 vết sây sát niêm mạc môi dưới, kích thước: 1,5cm x 0,5cm; 01 vết bầm khoảng liên sườn II – III đường trung đòn phải, kích thước: 04cm x 03cm; 01 mảng bầm lưng phải, kích thước: 03cm x 02cm; 01 mảng bầm mặt sau khuỷu tay trái, kích thước: 3,5cm x 3,5cm; 01 vết bầm ngón III bàn tay trái, kích thước: 04cm x 01cm; 01 vết bầm 1/3 trên mặt ngoài đùi trái, kích thước: 03cm x 2,5cm; 01 vết sây sát da khoeo chân trái, kích thước: 4,5cm x 0,4cm.

- Kết luận: Vết xước da đuôi mắt trái, kích thước 01cm x 0,5cm, có tỷ lệ 03%, do vật tày, vật tày có cạnh, vật có nhiệt độ cao tác động lên bề mặt cơ thể làm tổn thương da, mô liên kết dưới da để lại thương tích và 01 vết thương và bầm niêm mạc môi trên, kích thước 01cm x 0,5cm có tỷ lệ 01%, do vật tày, vật tày có cạnh tác động lên bề mặt cơ thể làm tổn thương niêm mạc để lại thương tích. Các thương tích khác không xếp tỷ lệ %.

Bản Cáo trạng số: 30/CT-VKS ngày 20/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi truy tố bị cáo Trần Minh Đ về các tội “*Hành hạ con*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 185 và “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên căn cứ khoản 1 Điều 325 của Bộ luật Tố tụng hình sự thay đổi tội danh hành hạ con thành tội hành hạ người khác theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Cà Mau không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự nhưng yêu cầu xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đúng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận việc hành hạ gây ra các vết thương trên cơ thể bé G trong đó có vết xước da đuôi mắt trái, kích thước: 01cm x 0,5cm có tỷ lệ 03% và 01 vết thương bầm niêm mạc môi trên, kích thước: 01cm x 0,5cm có tỷ lệ 01%.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “hành hạ người khác” và tội “cố ý gây thương tích”; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 140, điểm c khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh Đ mức án tù từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “hành hạ người khác” và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đ phải chấp hành mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh là nơi đang trực tiếp nuôi dưỡng bé G không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 nhánh cây khô dài 63cm, đường kính góc 0,7cm, đường kính ngọn 0,5cm và 01 cây chổi lông cò lau sậy, cán bằng nhựa. Trả lại cho bà Lê thị H 01 điện thoại Samsung A20S màu đen đã qua sử dụng và số tiền nộp khắc phục 5.000.000 đồng.

Luật sư Lê Huỳnh Ni người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bé G tranh luận: Thống nhất tội danh Viện kiểm sát đề nghị nhưng không áp dụng tình tiết giảm nhẹ về khắc phục hậu quả và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt mức hình phạt cao nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo tham gia tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ về khắc phục hậu quả và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải yêu cầu xin được hưởng án treo vì điều kiện gia đình khó khăn, mẹ già và vợ bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo Trần Minh Đ tại phiên tòa, đối chiếu với kết quả đã điều tra của Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi là phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được, thể hiện: Bị cáo thực hiện nhiều lần và diễn ra thường xuyên gây đau đớn về thể xác, tinh thần của bé G, như sau: Trong thời gian sinh sống tại Tổ 4, khu phố 10, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (không nhớ thời gian nhưng trong năm 2023), bị cáo dùng tay đánh, bỏ bé G vào bịch nilong túm kín miệng, dùng kẹp tóc, kẹp quần áo kẹp vào nhiều vị trí trên cơ thể cháu. Sau khi về ấp Trung Cang, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi sinh sống từ ngày 17/10/2023 đến ngày 06/11/2023 thì bị cáo tiếp tục chửi mắng, đe dọa, đánh đập, bắt quỳ gối,... hậu quả là gây ra nhiều thương tích trên cơ thể của bé G, trong đó có 02 vết thương ở đuôi mắt trái và niêm mạc môi trên với tỷ lệ thương tích là 4%.

[3] Xét việc thay đổi tội danh của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Đ tại phiên tòa từ tội “hành hạ con” theo điểm a khoản 2 Điều 185 của Bộ luật Hình sự sang tội “hành hạ người khác” theo điểm a khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự, thấy rằng:

Ngày 15/10/2022 bị cáo có đơn xin nhận nuôi con (bút lục số 60) gửi Ban Tư pháp xã Hàm Ninh xin nhận bé gái (tên Giàu) tại cơ sở nuôi, giữ trẻ của ông Lê Thái Thành M, bà Lê Thị Đ tại ấp Hải Vòng, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (bé G được mẹ của cháu gửi tại cơ sở nuôi, giữ trẻ từ tháng 02/2022 đến thời điểm này bị mất liên lạc) với mục đích xin nhận bé G làm con nuôi và nuôi dưỡng. Tuy nhiên, yêu cầu của bị cáo không được chấp nhận thể hiện qua công văn số 233/UBND-TPHT, ngày 08/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã Hàm Ninh (bút lục số 81), thể hiện: “...qua thu thập về nhân thân của bé G và điều kiện nuôi con nuôi của ông Đắc, thì xét thấy không đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi và không xác định được nhân thân của bé G nên từ chối không giải quyết về nhận nuôi con nuôi, cấp giấy khai sinh trên dữ liệu điện tử”.

Như vậy, giữa bị cáo, bà Huệ và bé G có phát sinh quan hệ nuôi dưỡng trên thực tế nhưng việc xin nhận con nuôi và việc tự ý đặt lại tên của bé G thành Trần Nhã Th cũng chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 16 của Luật Hộ tịch và chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận và nội dung trong đơn xin nhận nuôi con, bị cáo cũng yêu cầu “*Nếu sau này mẹ bé có nhận lại thì phải trả các chi phí mà tôi đã nuôi dưỡng cháu bấy lâu nay và theo quy định của pháp luật*”. Từ đó cho thấy, pháp luật chưa thừa nhận bé G (Trần Nhã Th) là con nuôi của bị cáo Đ và bà H nên việc truy tố bị cáo về tội danh “hành hạ con” theo điểm a khoản 2 Điều 185 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp.

Với hành vi của bị cáo Đ thực hiện việc hành hạ, chửi mắng, đe dọa, đánh đập, bắt quỳ gối,... làm cho bé G (sinh năm 2020) đau đớn về thể xác, tinh thần không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 185 của Bộ luật Hình sự đã cấu

thành tội “hành hạ người khác” theo điểm a khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, tại phiên tòa Kiểm sát viên căn cứ khoản 1 Điều 325 của Bộ luật Tố tụng hình sự kết luận về tội nhẹ hơn đối với bị cáo Đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Quá trình điều tra lại và tại phiên tòa, bị cáo Đ thừa nhận các vết thương ở đuôi mắt trái và niêm mạc môi trên với tỷ lệ thương tích là 4% của bé G là do bị cáo trực tiếp gây ra. Hành vi này của bị cáo đã phạm tội “cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Trong thời gian qua, việc hành hạ người khác (trong đó có đối tượng là trẻ em) có diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng đã vi phạm chính sách của nhà nước trong thực hiện về quyền, bổn phận của trẻ em; nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến việc phát triển về thể chất và tinh thần, hành vi đó không chỉ gây đau đớn về thể xác, đau khổ về tinh thần và gây thương tích cho bị hại mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương, bị dư luận xã hội lên án.

Về tình tiết giảm nhẹ: Mặc dù quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo thừa nhận nhiều lần thực hiện việc hành hạ bé G (mức độ thành khẩn chưa cao); bị cáo có tác động để bà H (vợ bị cáo) nộp khắc phục số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường cho bé G nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét, quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Với tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và phải cách ly khỏi đời sống xã hội có thời hạn để giáo dục, cải tạo, răn đe bị cáo; thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng là để cảnh tỉnh, cảnh báo và phòng ngừa chung cho xã hội. Do vậy, việc bị cáo yêu cầu được hưởng án treo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Về tránh nhiệm dân sự: Đại diện Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Cà Mau - nơi đang trực tiếp nuôi dưỡng bé G không yêu cầu và không nhận số tiền 5.000.000 đồng mà bà H đã nộp khắc phục tại Chi cục thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử xét hoàn trả lại cho bà H là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, bà H có giao nộp 01 điện thoại Samsung A20S màu đen ghi lại hình ảnh việc bé G bị bị cáo Đ hành hạ tại thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Cơ quan điều tra thu giữ 01 nhánh cây và 01 cây chổi là vật chứng bị cáo hành hạ, đánh bé G.

Xét thấy, chiếc điện thoại là tài sản của bà H, là phương tiện ghi lại hình ảnh bị cáo phạm tội và không chứng minh được vai trò đồng phạm của bà H nên hoàn trả lại cho bà H; đối với nhánh cây khô và cây chổi là vật chứng bị cáo sử dụng hành hạ, đánh đập bé G và không có giá trị hoặc giá trị sử dụng không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9] Việc bà Lê Thị H chụp hình ảnh khi bị cáo Đ hành hạ bé G ở thành phố P mục đích để hù dọa và có đánh bé G 01-02 lần khi ở nhà tại xã T1, huyện Đ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và không chứng minh được vai trò đồng phạm nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt hành chính đối với bà H nên không đặt ra xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[10] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 140, điểm c khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 325, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Minh Đắc phạm tội “Hành hạ người khác” và tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 02 (hai) năm tù về tội “Hành hạ người khác” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 08/11/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đã nộp theo biên lai số 0000380 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 nhánh cây khô dài 63cm, đường kính gốc 0,7cm, đường kính ngọn 0,5cm và 01 cây chổi bông sậy, cán bằng nhựa và trả lại cho bà Lê Thị H 01 điện thoại Samsung A20S màu đen (các vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi quản lý theo biên bản giao nhận ngày 16/01/2024).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại hoặc Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn